

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HS-ST

Ngày: 16-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Giới

Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 77/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nông Văn Th**, sinh năm 1998, tại: Bình Phước; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Nh, sinh năm 1962 (đã chết); bị cáo có 03 em ruột, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Bị hại:

1. Bà Hồ Thị Y, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1961; Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nông Văn C, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

2. Ông Nông Văn M, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Th bị Viện kiểm sát nhân dân (KSND) huyện Đ, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ 00 ngày 06/10/2018, Th rủ Nông Hoài D đi trộm cắp bò của gia đình Nguyễn Thành Q tại ấp 5, xã T bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì D đồng ý. Th và D đi bộ đến vị trí ông Q cột con bò cách nhà khoảng 40 mét, tháo dây rồi dắt con bò cái lông màu vàng, nặng khoảng 200kg đi đến khu vực đồi tre thuộc ấp 5, xã T, huyện Đ. Tại đây, Th liên lạc và bán con bò cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được 10.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Th và D đi ra cửa hàng Thế giới di động thuộc phường X, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), Th mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo giá 3.000.000 đồng để sử dụng; mua cho D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo giá 3.690.000 đồng, cho D thêm 200.000 đồng. Số tiền còn lại Th tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 08/10/2018, gia đình ông Nguyễn Thành Q đến Công an xã T trình báo, Công an xã T đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Th đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 176/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: Tại thời điểm ngày 06/10/2018, 01 (một) con bò cái trọng lượng 200kg có giá trị là 25.000.000 đồng (xác định 125.000 đồng/kg).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng.

Đối với Nông Hoài D là người cùng thực hiện tội phạm với Th. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì D đã chết trước khi khởi tố vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 21/10/2022, Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện KSND huyện Đ, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 BLHS, xử phạt bị cáo Th từ 01 năm đến 03 năm tù; các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 13 giờ 00 ngày 06/10/2018, Th rủ Nông Hoài D đi trộm cắp bò của gia đình Nguyễn Thành Q tại ấp 5, xã T bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì D đồng ý. Sau khi trộm được 01 (một) con bò cái lông màu vàng, nặng khoảng 200kg thì Th liên lạc và bán con bò cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được 10.000.000 đồng. Sau đó, Th và D sử dụng số tiền này để mua điện thoại di động và tiêu xài cá nhân.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo (BL 66-67); lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 84-88); biên bản kiểm tra hiện trường (BL 33; 57); Kết luận định giá (BL64); vật chứng vụ án (BL56) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/10/2018, Th và Nông Hoài D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) con bò của gia đình ông Nguyễn Thành Q tại ấp 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước trị giá 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Đối với Nông Hoài D là người cùng thực hiện tội phạm với Th. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì D đã chết trước khi khởi tố vụ án, Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hành vi nêu trên của Th đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Đối với người đàn ông mua bò của Th, quá trình điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch. Cơ quan điều tra tách ra xác minh, xử lý sau, Viện kiểm sát không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ nhận định trên nhận thấy bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 23/8/2022 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, nhưng vì mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; bị hại bãi nại. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho quá trình xác minh tội phạm. Tại phiên tòa, bị cáo cho biết lý do bỏ đi khỏi địa phương là do đã thỏa thuận xong với gia đình bị hại về việc bồi thường thiệt hại nên nghĩ rằng bản thân không phạm tội nữa nên mới đi xuống Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Tuy nhiên, bị cáo không có chứng cứ để chứng minh nên lời trình bày của bị cáo là hợp lý. Hơn nữa, bản thân bị cáo đã từng có thời gian làm dân quân nhưng không nhận thức và rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại có hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đây là những tình tiết cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng. Đây là tài sản do bị cáo và Nông Hoài D có được do sử dụng số tiền phạm tội để mua, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo **Th 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 03/8/2022.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu đen và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu hồng.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Th phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01)
- VKSND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- PV06 - CA tỉnh Bình Phước (01);
- Công an huyện (gồm: Nhà tạm giữ, Đội hồ sơ nghiệp vụ, Đội điều tra CA huyện) (03);
- TT lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);
- Lưu (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh